

NGÂN HÀNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM VỀ TÀI CHÍNH
(Corporate Finance - CF Tests)



1. Điều gì dưới đây được xem như một lợi ích của hình thức sở hữu duy nhất của một tổ chức, công ty?
 - a. Cơ hội rộng để đi vào thị trường tư bản
 - b. Khả năng không giới hạn
 - c. Chung về kỹ năng, chuyên môn
 - d. Lợi nhuận đánh thuế chỉ ở một cấp độ duy nhất

2. Những đối tác nào dưới đây phân biệt chính xác những đối tác chung từ những đối tác giới hạn trong một công ty hữu hạn?
 - a. Những đối tác chung có nhiều kinh nghiệm làm việc hơn
 - b. Những đối tác chung có mối quan hệ mật thiết với ông chủ
 - c. Những đối tác chung tùy thuộc vào việc tăng thuế lên gấp đôi
 - d. Những đối tác có khả năng cá nhân không giới hạn

3. Trong trường hợp của một tập đoàn chuyên nghiệp, _____ có khả năng giới hạn.
 - a. Chỉ có những nhà chuyên nghiệp
 - b. Chỉ có những doanh nghiệp
 - c. Bao gồm cả những nhà chuyên nghiệp và doanh nghiệp
 - d. Không phải những nhà chuyên nghiệp và doanh nghiệp

4. Một ban giám đốc được bầu ra đại diện cho một tập đoàn:
 - a. Những quản lý cấp cao
 - b. Người giữ tiền đặt cọc (Stakeholders)
 - c. Cổ đông (Shareholders)
 - d. Khách hàng

5. Lời phát biểu nào dưới đây phân biệt rõ ràng nhất sự khác nhau giữa tài sản thực và tài sản tài chính?
 - a. Tài sản thực có giá trị ít hơn tài sản tài chính
 - b. Tài sản thực là tài sản hữu hình còn tài sản tài chính thì không

1

- c. Tài sản tài chính xuất hiện trên hai bản cân đối tài chính còn tài sản thực chỉ xuất hiện trên một bản cân đối duy nhất
- d. Tài sản tài chính đánh giá được giá trị còn tài sản thực sẽ làm giảm giá trị

6. Thị trường tài chính được sử dụng cho thương mại:

- a. Bao gồm cả tài sản thực và tài sản tài chính
- b. Bao gồm những hàng hóa và dịch vụ được sản xuất ra bởi một công ty
- c. Chứng khoán như những cổ phiếu của công ty IBM
- d. Nguyên liệu thô sử dụng cho sản xuất

7. Câu nào dưới đây được xem như một quyết định ngân sách tư bản?

- a. Kế hoạch phát hành ra cổ phiếu thường hơn là phát hành riêng cổ phiếu ưu đãi
- b. Một quyết định mở rộng thêm dây chuyền mới cho sản phẩm trị giá 5 triệu USD
- c. Mua lại những cổ phần của cổ phiếu thường
- d. Phát hành nợ trên những khoản nợ dài hạn

8. Mục đích chung nhất của những dự án ngân sách tư bản nên là:

- a. Hạ thấp sự tin cậy vào công ty bằng những khoản nợ
- b. Tăng nhanh các thương vụ bán hàng cho công ty
- c. Tăng nhanh các cổ phiếu của các cổ phần bên ngoài công ty
- d. Tăng nhanh tài sản, của cải của các cổ đông của công ty

9. Thuật ngữ “Cơ cấu vốn” (Capital Structure) nói đến:

- a. Phương thức mà trong đó một công ty nắm giữ những nguồn quỹ dài hạn
- b. Khoảng thời gian cần thiết để trả hết nợ
- c. Bất cứ khi nào một công ty đầu tư những dự án ngân sách tư bản
- d. Tài sản đặc trưng mà công ty nên đầu tư vào

10. Sự khác nhau căn bản giữa chứng khoán bán ra ở những thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp là:

- a. Sự rủi ro của chứng khoán
- b. Giá của chứng khoán
- c. Chứng khoán phát hành đầu tiên
- d. Khả năng lợi nhuận của việc hợp tác phát hành

11. Thị trường sơ cấp có thể được phân biệt với thị trường thứ cấp vì trong thị trường sơ cấp có bán:

1

- a. Những cổ phiếu giá trị thấp
 - b. Những cổ phiếu chưa bán trước đó
 - c. Chỉ những cổ phiếu của các công ty lớn
 - d. Những cổ phiếu có tiềm năng sinh ra lợi nhuận lớn hơn
12. Kế hoạch đền bù của quản lý đưa ra đề nghị khuyến khích tài chính nhằm tăng lợi nhuận hàng quý có thể tạo ra cho đại lý vấn đề nào?
- a. Những người quản lý không tích cực vì mục đích cá nhân
 - b. Ban giám đốc có thể yêu cầu tín dụng
 - c. Những lợi nhuận ngắn hạn, không phải dài hạn trở thành tiêu điểm
 - d. Các nhà đầu tư mong muốn lợi nhuận ổn định, lâu dài
13. Trách nhiệm pháp lý của chủ sở hữu độc nhất bị giới hạn bởi số lượng đầu tư của họ trong công ty.
- a. Đúng
 - b. Sai
14. Hình thức liên doanh trong một tổ chức kinh doanh thường bị kèm theo sự phân rẽ của ông chủ và người quản lý
- a. Đúng
 - b. Sai
15. Những quyết định ngân sách tư bản sử dụng để xác định làm sao để tăng số tiền mặt cần thiết cho vốn đầu tư
- a. Đúng
 - b. Sai
16. Tài sản tài chính xuất hiện trên hai bản cân đối tài chính
- a. Đúng
 - b. Sai
17. Thị trường tài chính cung cấp cho những nhà quản lý tài chính bao gồm cả nguồn quỹ dài hạn và chỗ để lưu trữ tạm thời có khả năng lưu động.
- a. Đúng
 - b. Sai

18. Thị trường tiền tệ là một thị trường _____ trong khi thị trường tư bản là thị trường _____ .
- Đầu tư, lưu động
 - Lưu động, đầu tư
 - Lưu động, thể chế tài chính
 - Dài hạn, ngắn hạn
19. Chức năng nào sau đây là chức năng kinh tế, sinh ra lợi nhuận trong hệ thống tài chính?
- Cung cấp hệ thống trả tiền và thanh toán bằng tiền mặt cho các nhà đầu tư
 - Cung cấp cho thị trường thực tế kinh doanh và tài sản hữu hình
 - Cung cấp phương tiện quản lý rủi ro
 - Cung cấp cho lưu lượng tiết kiệm vốn đầu tư thực
20. Tỷ lệ nhỏ nhất có thể chấp nhận được của vòng quay vốn đầu tư hợp tác được xác định bằng:
- Những nhà đầu tư trong thị trường tài chính
 - Thông tin từ những báo cáo kế toán
 - Quản lý tài chính
 - Những quản lý cấp cao trong công ty
21. Đây là một dịch vụ cung cấp cho những tập đoàn bằng thị trường và thể chế tài chính
- Giá trị của công ty
 - Những hợp đồng quản lý rủi ro
 - Tài chính
22. Trong khi những tập đoàn hoặc công ty liên doanh cung cấp cho các cổ đông lợi nhuận từ _____ thì những thị trường tư bản cung cấp lợi nhuận cho cổ đông từ _____ .
- Tích lũy tư bản, cổ tức
 - Sự đánh giá, tích lũy tư bản
 - Cổ tức, tích lũy tư bản
23. Chủ của những nguồn ngân quỹ chung sở hữu _____ và được gọi là _____ .
- Tiền gửi, người gửi tiền

1

- b. Trái khoán, người giữ trái khoán
- c. Cổ phiếu, cổ đông
- d. IOU của nguồn ngân quỹ chung, chủ nợ

24. Chứng khoán lần đầu tiên được bán ra trong thị trường _____, việc mua bán chứng khoán này tiếp theo sẽ bán trong thị trường _____.

- a. Tiền tệ, tư bản
- b. Tư bản, tiền tệ
- c. Ngân hàng, thứ cấp
- d. Sơ cấp, thứ cấp

25. Cổ phần thường của một tập đoàn hay một liên doanh có thể được liệt kê trên thị trường chứng khoán hoặc để trao đổi:

- a. Ngoài sở giao dịch chứng khoán
- b. Bởi những nhà môi giới có nắm giữ phiếu kiểm kê những cổ phần mà họ mua hoặc bán
- c. Giữa những giám đốc của tập đoàn hoặc liên doanh
- d. Trên thị trường chứng khoán New York

26. Từ này được biết đến như là một thị trường tài chính

- a. Thị trường trao đổi ngoại tệ
- b. Thị trường tiền tệ
- c. Thị trường thu nhập cố định

27. Thị trường tài chính định giá sự biểu diễn của các tập đoàn thương mại một cách công khai:

- a. Thường xuyên
- b. Hàng quý khi các báo cáo tài chính được đưa ra của SEC (Ủy ban trao đổi chứng khoán = Securities and Exchange Commission)
- c. Hàng năm khi các báo cáo thường niên được phát ra
- d. Khi có yêu cầu của các quản lý của tập đoàn hoặc liên doanh

28. Khi một thông tin mới có giá trị, thị trường tài chính sẽ:

- a. Sẽ phản ứng ngay lập tức thông tin mới này theo giá của những chứng khoán được giao dịch
- b. Công khai thông tin mới này

1

- c. Cung cấp thông tin mới này cho những phương tiện trung gian tài chính
- d. Quyết định nói như thế nào với công chúng một cách tốt nhất

29. Khi một cổ đông A bán cổ phiếu của hãng Ford cho cổ đông B ở thị trường thứ cấp như thị trường chứng khoán New York chẳng hạn, thì hãng Ford sẽ nhận được bao nhiêu tiền?

- a. Ford sẽ nhận được hầu hết số tiền đó ngoại trừ tiền hoa hồng
- b. Ford sẽ không nhận được gì
- c. Ford sẽ chỉ nhận được tiền hoa hồng của việc bán cổ phiếu
- d. Ford sẽ nhận được phần phân chia số tiền trên mỗi cổ phiếu tham gia giao dịch trên thị trường

30. Dịch vụ quan trọng nhất được cung cấp bởi khoản quỹ chung cho những nhà đầu tư nguồn quỹ chung là:

- a. Cơ hội để mua chứng khoán liên kết với một giá hạ
- b. Chi phí cao và giá mua bán sẽ tăng theo tỷ lệ quay vòng của những nhà đầu tư
- c. Đa dạng hóa

31. Nếu nguồn thu nhập tịnh (net income) được xác định thì thì số tiền lưu chuyển trên mỗi hoạt động cũng xác định vào thời kỳ đó

- a. Đúng
- b. Sai

32. Việc tăng nhanh những tài khoản cân đối thu sẽ hỗ trợ cho việc tăng nhanh sự lưu chuyển tiền tệ

- a. Đúng
- b. Sai

33. Bản cân đối tài chính (The balance sheet) theo truyền thống sẽ lưu giữ số lượng giới hạn những giá trị thị trường.

- a. Đúng
- b. Sai

34. Nhìn chung, điều gì sẽ thay đổi khi bạn đọc từ trên bên trái qua của bản cân đối tài chính (The balance sheet)?

1

- a. Những tài sản có bị sụt giá nhiều hơn
- b. Những tài sản có tăng về giá trị
- c. Những tài sản có tăng nhanh theo kỳ hạn

35. Khoản mục nào dưới đây không nên kèm theo khi liệt kê những tài sản hiện hành?

- a. Chứng khoán có thể bán được
- b. Tài khoản có thể trả được
- c. Tài khoản có thể nhận được
- d. Phiếu kiểm kê

36. Nếu trong bản cân đối tài chính (The balance sheet) của một công ty chỉ ra rằng tài sản có tổng cộng vượt quá những khoản nợ ngắn hạn thêm vào vốn cổ đông, công ty đó sẽ bị:

- a. Lợi nhuận không giữ lại
- b. Nợ dài hạn
- c. Không thể liên tục giảm giá được nữa

37. Theo GAAP (Nguyên tắc kế toán được thừa nhận chung – Generally Accepted Accounting Principle) thì tài sản có và tài sản nợ được lưu giữ điển hình trên bảng tổng kết tài sản (Bản cân đối tài chính) ở:

- a. Giá trị lịch sử
- b. Giá trị thị trường
- c. Giá trị thu hồi

38. Điều nào dưới đây đúng cho tài sản có sụt giá toàn bộ?

- a. Giá trị thị trường bằng không
- b. Giá trị thị trường lớn hơn giá trị kế toán trên sổ sách
- c. Giá trị kế toán lớn hơn giá trị thị trường

39. Bản cân đối tài chính của tập đoàn ABC chỉ ra rằng khoản nợ dài hạn của họ lên tới 10 triệu đô la. Khoản nợ này được đưa ra bằng 10% lãi suất và tại thị trường hiện tại thì tỉ lệ sẽ là 7% lãi suất. Dựa trên những thông tin này thì giá trị thị trường đối với khoản nợ này sẽ là:

- a. Ít hơn 20 triệu đô la
- b. Lớn hơn 20 triệu đô la
- c. Bằng 20 triệu đô la

1

- d. Không biết được nếu không biết chính xác khoản nợ là bao nhiêu
40. Điều nào dưới đây sẽ đúng hơn nếu giá trị thị trường của vốn cổ phần nhỏ hơn giá trị sổ sách của nó?
- Các nhà đầu tư đoán trước được khả năng tiền lãi sẽ thấp
 - Tài sản sụt giá toàn bộ
 - Công ty bị phá sản
41. Tính toán EBIT (Thu nhập trước thuế và lãi) trong một công ty với tổng thu nhập là 4 triệu USD, trong đó 3,5 triệu là từ giá bán hàng, 500 ngàn là từ chi phí giảm giá, và 120 ngàn là chi phí tiền lãi.
- 500,000 USD
 - 380,000 USD
 - 0 USD
 - (120,000 USD)
42. Việc thu thập những khoản thu nhập và chi phí có liên quan tồn đọng trong khoảng thời gian giống nhau, mà không chú ý tới việc chúng được thu thập và chi ra khi nào là:
- Kế toán căn bản tiền mặt
 - Kế toán giá trị thị trường
 - Kế toán giá trị trên sách vở
43. Phát biểu nào dưới đây sẽ thích hợp hơn nếu tiền mặt và chúng khoán có thể tiêu thụ được tăng nhanh lên 5000 USD trong suốt thời kỳ mà ở đó tiền mặt được cung cấp bởi những hoạt động tăng lên thêm 1000 USD và tiền mặt được các nhà đầu tư sử dụng giảm xuống 500 USD?
- Tiền mặt cung cấp từ các nguồn huy động vốn giảm 3500 USD
 - Tiền mặt sử dụng từ nguồn vốn huy động giảm 1000 USD
 - Những khoản nợ dài hạn giảm bằng cách hạn chế bớt các khoản nợ ngắn hạn
44. Điều gì sẽ xảy ra khi di chuyển từ thu nhập tịnh sang lưu chuyển tiền mặt từ những hoạt động kinh doanh như là kết quả của việc tăng nhanh những cân đối trong kiểm kê?
- Lưu chuyển tiền mặt tăng
 - Lưu chuyển tiền mặt giảm

1

- c. Lưu chuyển tiền mặt không thay đổi
45. Trong số những lĩnh vực dưới đây, lĩnh vực nào của lưu chuyển tiền tệ bị ảnh hưởng bởi việc phải trả các chi phí tiền lãi?
- Lưu chuyển tiền tệ từ những hoạt động kinh doanh
 - Lưu chuyển tiền tệ từ những chi phí bên ngoài, phi tiền mặt
 - Lưu chuyển tiền tệ từ những nhà đầu tư
46. Càng thường xuyên tính theo kiểu nhồi cả vốn lẫn lời (tính lãi kép) thì giá trị tương lai càng cao hơn còn những thứ khác sẽ bằng nhau
- Đúng
 - Sai
47. Với một số lượng cho sẵn, tỷ lệ chiết khấu càng thấp thì giá trị hiện tại càng nhỏ.
- Đúng
 - Sai
48. Thay đổi tiền trả góp hàng năm nhờ vào việc giảm giá trị hiện tại
- Đúng
 - Sai
49. Bạn sẽ tích lũy được bao nhiêu cho một tài khoản với số vốn ban đầu là 100 USD với lãi suất hàng quý là 10% lãi kép trong 3 năm?
- 107.69 USD
 - 133.10 USD
 - 134.49 USD
 - 313.84 USD
50. Bạn sẽ tích lũy được bao nhiêu tiền lương hưu nếu bạn tiết kiệm hàng năm là 2,000 USD, bắt đầu sau 1 năm tính từ ngày hôm nay, và tài khoản này sinh ra 9% lãi kép hàng năm trong vòng 40 năm?
- 87,200.00 USD
 - 675,761.86 USD
 - 736,583.73 USD

51. Điều kiện nào dưới đây sẽ là giá trị có kỳ hạn tính với lợi nhuận đơn vượt quá giá trị có kỳ hạn tính với lợi nhuận kép ở cùng một tỷ lệ?
- Tỷ lệ lợi nhuận rất cao
 - Thời gian đầu tư dài
 - Tính lãi kép hàng năm
 - Điều này sẽ không thể có được với tỷ lệ lợi nhuận tích cực
52. Bạn sẽ kiếm được bao nhiêu tiền vào năm thứ ba với khoản tiết kiệm 1000 USD và với mức lãi suất kép hàng năm là 7%?
- 70.00 USD
 - 80.14 USD
 - 105.62 USD
 - 140.00 USD
53. Bạn phải chờ bao lâu (cho tới năm gần nhất) cho một khoản đầu tư ban đầu là 1000 USD để tăng gấp 3 lần giá trị của nó nếu khoản đầu tư này sinh lãi kép là 8% một năm?
- 9
 - 14
 - 22
54. Một tài khoản thẻ tín dụng thay đổi mức lãi theo tỷ lệ là 1,25% hàng tháng sẽ tạo ra tỷ lệ lãi kép hàng năm là _____ và một APR (Tỷ lệ phần trăm hàng năm – Annual Percentage Rate) là _____.
- 16.08%; 15.00%
 - 14.55%; 16.08%
 - 12.68%; 15.00%
 - 15.00%; 14.55%
55. APR (Tỷ lệ phần trăm hàng năm – Annual Percentage Rate) trên một khoản nợ với sự thay đổi mức lãi theo tỷ lệ là 1.4% hàng tháng là bao nhiêu phần trăm?
- 10.20%
 - 14.00%
 - 16.80%
 - 18.16%

56. Nếu tỷ lệ lợi nhuận hiệu quả hàng năm là 16.08% trên khoản nợ được chi trả hàng quý, thì tỷ lệ phần trăm hàng năm sẽ là:
- 4.02%
 - 10.02%
 - 14.50%
57. Nếu bạn cho một người mượn số tiền ban đầu là 1000 USD và người ấy hứa sẽ trả bạn 1900 USD sau 9 năm tính từ bây giờ thì mức lãi hiệu quả hàng năm mà bạn nhận được sẽ là:
- 5.26%
 - 7.39%
 - 9.00%
 - 10.00%
58. Giá trị hiện tại nguồn ngân quỹ tích thặng của bạn sẽ là bao nhiêu nếu bạn được trả 50,000 USD trong ngày sinh nhật lần thứ 30 của bạn (7 năm tính từ hôm nay) và tạo ra 10% lãi suất kép hàng năm?
- 25,000.00 USD
 - 25,657.91 USD
 - 28,223.70 USD
59. Giá trị hiện tại của chuỗi chi trả dưới đây là bao nhiêu biết rằng chiết khấu 8 % hàng năm, 1,000 USD vào cuối năm thứ nhất, 2,000 USD vào cuối năm thứ 2 và 3,000 USD vào cuối năm thứ ba?
- 5,022.11 USD
 - 5,144.03 USD
 - 5,423.87 USD
60. Giá trị hiện tại vĩnh cửu có thể được xác định bằng cách?
- Chia tỷ lệ lợi nhuận bằng số tiền trả
 - Đa dạng cách chi trả bằng những số lượng tiền trả
 - Chia số tiền trả bằng tỷ lệ lợi nhuận
61. Giá trái phiếu dài hạn dễ bị ảnh hưởng thay đổi tỷ lệ lãi suất hơn giá trái phiếu ngắn hạn.
- Đúng

1

b. Sai

62. Giá bỏ thầu của trái phiếu kho bạc sẽ thấp hơn giá đưa ra

- a. Đúng
- b. Sai

63. Điều nào sau đây đại diện cho mối quan hệ đúng? Khi tỷ lệ lãi (coupon) của trái phiếu tăng thì _____ của trái phiếu đó sẽ _____.

- a. Giá trị mệnh giá; tăng
- b. Giá hiện hành; giảm
- c. Chi trả lợi nhuận; tăng
- d. Kỳ hạn thanh toán; được kéo dài thêm

64. Điều gì sẽ xảy ra khi lưu chuyển tiền tệ mong đợi của một trái phiếu bị chiết khấu với một tỷ lệ thấp hơn tỷ lệ lãi của trái phiếu đó?

- a. Giá của trái phiếu sẽ tăng
- b. Tỷ lệ lãi (coupon) của trái phiếu đó sẽ tăng
- c. Giá trị ghi trên trái phiếu sẽ giảm
- d. Số tiền lãi (coupon) phải trả sẽ được điều chỉnh tới một tỷ lệ chiết khấu mới

65. Khi một nhà đầu tư mua một trái phiếu từ kho bạc Mỹ với giá trị ghi trên đó là 1,000 USD mà được trích ra 97.16, nhà đầu tư đó:

- a. Sẽ nhận được 97.5% lãi phiếu chi trả từ liên bang
- b. Nhận được 975 USD trên kỳ hạn thanh toán của trái phiếu đó
- c. Trả 97.5% giá trị mệnh giá của trái phiếu đó
- d. Trả 1,025 USD cho trái phiếu đó

66. Bạn sẽ phải trả bao nhiêu cho một trái phiếu 1,000 USD với 10% lãi phiếu, chi trả hàng năm và kỳ hạn thanh toán là 5 năm với mức lãi suất là 12%?

- a. 927.90 USD
- b. 981.40 USD
- c. 1,000.00 USD
- d. 1,075.82 USD

67. Lợi nhuận hiện tại của một trái phiếu có thể được tính bằng:

1

- a. Cách tăng giá theo tỷ lệ lãi phiếu
- b. Chia giá bằng việc chi trả tiền lãi phiếu hàng năm
- c. Chia giá bằng giá trị số tiền ghi trên phiếu

68. Thuật ngữ chỉ tỷ lệ chiết khấu làm giá trị hiện tại của việc chi trả trái phiếu bằng với giá của nó:

- a. Tỷ lệ quay vòng
- b. Lợi nhuận tới kỳ hạn thanh toán
- c. Lợi nhuận hiện tại
- d. Tỷ lệ coupon

69. Phiếu thanh toán lãi định kỳ cho một trái phiếu có giá trị 1.053.46 \$ với sinh lợi 6% trong kỳ hạn 3 năm là bao nhiêu?

- a. 6%
- b. 8%
- c. 10%
- d. 11%

70. Những yếu tố nào sau đây sẽ thay đổi khi lãi suất thay đổi?

- a. Lợi ích dòng lưu kim có được từ một trái phiếu.
- b. Giá trị hiện có của một trái phiếu thanh toán (a bond's payment?)
- c. Phiếu thanh toán của một trái phiếu.
- d. Kỳ hạn thanh toán của một trái phiếu.

71. Tỷ suất lợi nhuận của một nhà đầu tư là bao nhiêu nếu người đó trả 1.054,47\$ mua một trái phiếu 3 năm với một phiếu thanh toán lãi định kỳ 7% , sau đó bán lại vào năm sau với giá 1.037.19\$?

- a. 5,00%
- b. 5,33%
- c. 6,46%
- d. 7,00%

72. Lợi nhuận phát sinh khi mua bán các trái phiếu của người buôn bán trái phiếu ra sao?

- a. Bằng việc duy trì mức giá công bố thấp hơn giá yêu cầu.
- b. Bằng việc duy trì mức giá công bố cao hơn giá yêu cầu.
- c. Giữ lại
- d. Bằng tỷ suất thanh toán kỳ kế tiếp của trái phiếu.

73. Đường cong lãi suất chứng khoán mô tả mối quan hệ hiện hành giữa:
- Lãi suất chứng khoán trái phiếu và rủi ro mặc định.
 - Kỳ hạn thanh toán trái phiếu và xếp loại trái phiếu (bond ratings ?)
 - Lãi suất chứng khoán trái phiếu và kỳ hạn thanh toán.
 - Lãi suất chứng khoán triển vọng (promised yields) và phí bảo hiểm mặc định.
74. Những trái phiếu nào dưới đây có biểu hiện giống như một cấp độ rủi ro cao về lãi suất ?
- Một trái phiếu trả trước với kỳ hạn thanh toán là 5 năm.
 - Một trái phiếu trả trước với kỳ hạn thanh toán là 20 năm
 - (câu C không có)
 - Một trái phiếu với kỳ hạn thanh toán là 30 năm.
75. Lãi suất kỳ hạn thanh toán của một trái phiếu là bao nhiêu nếu biết lãi suất chi trả nửa năm của nó là 8%, giá hiện hành là 960\$ và kỳ hạn thanh toán là 3 năm?
- 4,78%
 - 5,48%
 - 9,57%
 - 12,17%
76. Mô hình chiết khấu lãi cổ phần không thu hút các nhà đầu tư có ưu đãi về lợi nhuận vốn
- Đúng.
 - Sai.
77. Giá trị cổ phần thì luôn gia tăng bất kể lúc nào tiền lãi được tái đầu tư vào công ty?
- Đúng.
 - Sai.
78. Cái nào sau đây là đặc điểm của thị trường thứ cấp cho cổ phiếu thường?
- Chỉ có các cổ phần mang giá trị thấp được giao dịch trong những thị trường này.
 - Chỉ các cổ phần có mức rủi ro cao mới được giao dịch trong những thị trường này.

1

- c. Thị trường thứ cấp là nơi các công ty vay mượn tiền.
- d. Thị trường thứ cấp không cung cấp tiền bạc cho các công ty có cổ phần được mua bán trao đổi.

79. Lãi suất chứng khoán cổ phần được báo cáo trong tạp chí tài chính là bao nhiêu nếu phải trả $1/4$ \$ cổ tức và giá cổ phần hiện hành là 40\$?

- a. 2,5%
- b. 4%
- c. 10%
- d. 15%

80. Nếu tỉ số P/E của một cổ phần là 13.5\$ tại thời điểm tiền lãi là 3 \$/ năm thì giá hiện hành của cổ phần là bao nhiêu?

- a. 4.50 \$
- b. 18.00\$
- c. 22.22\$
- d. 40.50\$

81. Giá trị cổ phần của vốn cổ đông một công ty được xác định bằng:

- a. Tăng giá cổ phần bằng việc lưu hành các cổ phần.
- b. Tăng giá cổ phần tại thời điểm cấp phát bằng việc lưu hành các cổ phần.
- c. Sự khác nhau giữa giá trị kế toán của tài sản cố định và các khoản phải trả.
- d. Sự khác nhau giữa giá thị trường của tài sản cố định và các khoản phải trả.

82. Giá hiện hành của một cổ phiếu là bao nhiêu đối với một công ty có 5 triệu dollar trong bảng cân đối kế toán và đang phát hành 500.000 cổ phiếu và tỉ số giá so với giá trị kế toán là 4?

- a. 2,5\$
- b. 10\$
- c. 20\$
- d. 40\$

83. Giá trị thanh lý của một công ty có ý nghĩa là:

- a. Cần thiết để mua lại tất cả các cổ phần thông thường.
- b. Thu được từ việc bán tất cả tài sản cố định và trả các khoản nợ.
- c. Người mua trả cho công ty bị phá sản.
- d. Cân bằng giá trị kế toán của tài sản thế chấp.

84. Một cổ phiếu giá 5\$ được bán với giá 80\$ và lợi nhuận là 14%. Các nhà đầu tư phải trả một năm là bao nhiêu?
- 82,2\$
 - 86,2\$
 - 87.2\$
 - 91,2\$
85. Đánh giá nào sau đây về cổ phiếu hiện hành bán với giá 50\$ cho mỗi cổ phiếu có lợi nhuận là 16% và 10% gia tăng giá trị vốn:
- Cổ tức được mong đợi cao hơn cổ tức hiện thời.
 - Lợi nhuận cao hơn lợi nhuận hiện thời.
 - Chi trả 3\$ cho những cổ tức hàng năm.
 - Trả 8\$ cho các cổ tức hàng năm
86. Lợi nhuận được tính toán cho một cổ phần thông thường thì bao gồm:
- Lãi suất chứng khoán cổ phần.
 - Việc nâng cao giá trị vốn.
 - Lãi suất chứng khoán cổ phần.
 - Tăng giá trị vốn trừ lãi suất chứng khoán cổ phần.
87. Bạn phải trả bao nhiêu cho một cổ phiếu ưu đãi có tỉ suất bất biến là 10%, tỉ suất lợi nhuận là 16% và được bán với giá là 50\$ một năm?
- 42\$
 - 45\$
 - 45,45\$
 - 47\$
88. Một cổ phần thông thường có giá trị hưởng lợi tức vĩnh viễn nếu:
- Lãi suất chiết khấu được tính toán còn lại không thay đổi.
 - Các cổ tức không được tính toán để gia tăng.
 - Tốc độ gia tăng các cổ tức thay đổi.
 - Nhà đầu tư không có ý định bán cổ phần.
89. Tỷ lệ gia tăng cổ tức không thay đổi được tính toán đối với một cổ phần trị giá 32\$ là bao nhiêu nếu cổ tức dự báo trong năm tới là 2\$ và lãi suất chiết khấu là 13%?

- a. 5,00%
- b. 6,25%
- c. 6,75%
- d. 15,38%

90. Tỷ lệ 35% trả lương ở một công ty cho biết :

- a. 35% cổ tức được tái đầu tư để phát triển.
- b. 65% cổ tức được tái đầu tư để phát triển.
- c. 65% tiền lãi để chi trả như các cổ tức.
- d. 35% tiền lãi được chi trả như các cổ tức.

91. Giá trị hiện tại thuần (NPV) là giá trị hiện có của các dòng lưu kim được trừ ra từ vốn đầu tư ban đầu?

- a. Đúng.
- b. Sai.

92. Những kế hoạch với giá trị hiện tại thuần (NPV- Net Present Value) ở điểm thấp nhất làm giảm sút tài sản của các cổ đông.

- a. Đúng.
- b. Sai.

93. Phát biểu nào sau đây đúng đối với một kế hoạch có NPV dương?

- a. Lãi suất sinh lợi nội tại (IRR – Internal of Rate Return) vượt quá chi phí vốn.
- b. Chấp nhận kế hoạch...
- c. Lãi suất chiết khấu vượt quá chi phí vốn.
- d. Chỉ số tiền lãi ngang bằng nhau.

94. Giá trị hiện tại thuần (NPV) của một dự án là bao nhiêu khi biết được nó có trị giá 100.000\$ với tiền lãi 45,000\$ cho mỗi 3 năm và phí tổn cơ hội là 14%?

- a. 3.397,57\$
- b. 4.473,44\$
- c. 16.100\$
- d. 35.000\$

95. Nguyên tắc quyết định giá trị hiện tại thuần (NPV) là:

- a. Chấp nhận các dự án với dòng tiền mặt vượt quá chi phí ban đầu.
- b. Loại bỏ các dự án với tỷ suất lợi nhuận vượt quá chi phí cơ hội.

1

- c. Thừa nhận các dự án có thực giá trị hiện tại thuần dương (positive NPV).
- d. Bác bỏ những dự án kéo dài hơn 10 năm.

96. Những thay đổi nào sau đây sẽ gia tăng giá trị hiện tại thuần (NPV) của một dự án?

- a. Một sự giảm sút về lãi suất chiết khấu.
- b. Sự suy giảm quy mô của những dòng tiền mặt.
- c. Gia tăng chi phí ban đầu của dự án.
- d. Giảm số lượng các dòng tiền mặt.

97. Phải đầu tư lớn nhất là bao nhiêu cho một kế hoạch tại thời điểm thấp nhất (at time zero) nếu các dòng tiền ước lượng là 40.000\$ trong 3 năm và chi phí vốn là 9%?

- a. 101.251,79\$
- b. 109.200\$
- c. 117.871,97\$
- d. 130.800\$

98. Lãi suất sinh lợi nội tại (IRR) xấp xỉ là bao nhiêu cho một kế hoạch trị giá 100.000\$ và cung cấp lượng tiền mặt 30.000\$ cho 6 năm?

- a. 19,9%
- b. 30%
- c. 32,3%
- d. 80%

99. Nếu lãi suất sinh lợi nội tại (IRR) cho một dự án là 15%, vậy giá trị hiện tại thuần (NPV) sẽ là:

- a. Lãi suất chiết khấu -10%
- b. Lãi suất chiết khấu xác định 20%
- c. Lãi suất chiết khấu -20%
- d. Lãi suất chiết khấu xác định 15%

100. Giả sử có kế hoạch sử dụng một lãi suất sinh lợi nội tại (IRR) dựa trên phí tổn cơ hội là 10%, CF_0 (Cash Flow – Tích lũy ?) = -6.000, $CF_1 = + 3.300$ và $CF_2 = 3.300$ thì:

- a. Chấp nhận được vì IRR vượt quá phí tổn cơ hội.
- b. Loại bỏ vì phí tổn cơ hội vượt quá IRR.

1

- c. Chấp nhận, vì phí tổn cơ hội vượt quá IRR.
- d. Bác bỏ vì IRR vượt quá phí tổn cơ hội.

101. Khi các nhà quản lý không thể xác định xem đầu tư bây giờ hay chờ sau này chi phí giảm rồi mới đầu tư thì nguyên tắc sẽ là:

- a. Trì hoãn cho tới khi chi phí đạt tới mức thấp nhất.
- b. Đầu tư ngay để cực đại hóa giá trị hiện tại thuần (NPV).
- c. Chờ cho đến khi chi phí cơ hội đạt đến mức thấp nhất.
- d. Đầu tư ngay thời điểm có NPV cao nhất.

102. Nếu một dự án có giá trị là 50.000\$ và chỉ số lợi nhuận là 0,4 thì:

- a. Dòng tiền mặt của nó là 70.000\$
- b. Giá trị hiện tại của dòng lưu kim là 30.000\$.
- c. Có lãi suất sinh lợi nội tại (IRR) là 20%.
- d. Có giá trị hiện tại thuần (NPV) là 20.000\$.

103. Chuẩn mực đầu tư nào dưới đây không xét đến giá trị thời gian của tiền bạc?

- a. Tỷ suất lợi nhuận sổ sách.
- b. Giá trị hiện tại thuần NPV.
- c. Chỉ số lợi nhuận.
- d. Lãi suất hoàn vốn nội tại IRR cho các kế hoạch vay mượn.

104. Nếu hai dự án có giá trị hiện tại thuần (NPV) dương cùng xảy ra thì:

- a. Chúng cũng có lãi suất sinh lợi nội tại (IRR) như nhau.
- b. Có thời hạn hoàn vốn giống nhau.
- c. Chúng là các dự án loại trừ lẫn nhau.
- d. Chúng sẽ cùng làm tăng giá trị của công ty.

105. Các phân tích về ngân sách vốn tập trung vào lợi nhuận chứ không phải là các dòng lưu kim.

- a. Đúng.
- b. Sai.

106. Một tài sản (theo Kinh tế học vĩ mô – Macroeconomics – MARCS ?) có tuổi thọ là 5 năm sẽ bị khấu hao vào năm thứ 6?

- a. Đúng.
- b. Sai.

107. Các dự án được tính toán khi có giá trị hiện tại thuần (NPV) âm thì phải:
- Khấu hao trên một khoảng thời gian dài hơn.
 - Ghi nợ vào tổng chi phí.
 - Chiết khấu các lãi suất thấp hơn.
 - Loại trừ hay bác bỏ.
108. Giá trị của một đề án ngân sách vốn được kiến nghị tùy thuộc vào:
- Tổng các dòng lưu kim sinh ra.
 - Incremental cash flows produced ?
 - Việc tính toán lợi nhuận phát sinh.
 - Sự gia tăng tổng doanh thu.
109. Giả sử công ty của bạn có một thiết bị không dùng đến, biết rằng nguyên giá của nó là 75.000\$, thư giá (giá trị kế toán?) là 20.000\$ và giá trị hiện hành là 25.000\$. Bỏ qua thuế thì chi phí cơ hội chính xác cho thiết bị đó trong ngân sách vốn sẽ là bao nhiêu?
- 75.000\$
 - 25.000\$
 - 20.000\$
 - 5.000\$
110. Nếu một kế hoạch có 15.000\$ hàng tồn kho, tăng nợ phải trả là 10.000\$, giảm nợ phải thu 1000\$. Vậy có ảnh hưởng gì đến vốn lưu động của kế hoạch ?
- Gia tăng đầu tư là 4000\$.
 - Gia tăng đầu tư là 5000\$.
 - Gia tăng đầu tư 6000\$
 - Vốn lưu động không ảnh hưởng đến kế hoạch.
111. Phương pháp nào sau đây cung cấp việc phân tích đánh giá kết quả ngân sách vốn?
- Giảm các dòng lưu kim thật tế với lãi suất thực tế.
 - Giảm các dòng lưu kim thật tế với lãi suất danh nghĩa.
 - Giảm các dòng lưu kim danh nghĩa với lãi suất thực tế.
 - Tất cả các phương pháp trên đều cung cấp những kết quả như nhau.

112. Bạn dự đoán doanh thu hàng năm là 500.000\$ trong 3 năm tới. Nếu dự đoán của bạn vào năm thứ 2 và năm thứ 3 bị lạm phát mong đợi thường niên là 5% thì tổng số dollar sai lệch của bạn là bao nhiêu trong năm thứ 3?
- 25.000\$.
 - 50.000\$.
 - 52.550\$.
 - 76.250\$
113. Trong trường hợp nào thì khấu hao có ảnh hưởng đến các kế hoạch đầu tư?
- Khấu hao làm giảm các dòng lưu kim.
 - Khấu hao làm gia tăng các dòng lưu kim.
 - Khấu hao làm giảm lợi nhuận trước thuế.
 - Khấu hao làm giảm thuế.
114. Đối với một công ty có lợi nhuận phải đóng thuế biên thu nhập (marginal tax bracket) là 35% và 100,000\$ khấu hao thường niên, vậy lá chắn thuế khấu hao (the depreciation tax shield) sẽ là:
- 10.500\$
 - 30.000\$
 - 35.000\$
 - 65.000\$
115. Lượng tiền mặt của một công ty là bao nhiêu nếu biết rằng lợi nhuận trước thuế là 500.000\$, khấu hao tài sản 100.000\$ và tỉ suất thuế biên là 35%?
- 260.000\$
 - 325.000\$
 - 360.000\$
 - 425.000\$
116. Hệ thống MACR (Modified Accelerated Cost Recovery ?) cho phép gia tăng:
- Tổng khấu hao vượt quá tuổi thọ tài sản.
 - Khấu hao thường niên trong các năm đầu.
 - Khấu hao thực tế chứ không phải khấu hao danh nghĩa.
 - Trong nhiều năm ở từng cấp độ thu được.
117. Khi một tài sản khấu hao được bán sau cùng thì giá bán là:
- Có thể bị đánh thuế hoàn toàn.
 - Không đóng thuế.

- c. Không đóng thuế chỉ khi nào khấu hao gia tăng.
d. Phải đóng thuế nếu giá bán cao hơn giá trị kế toán.

118. Câu nào sau đây không đúng với mô tả về các dòng lưu kim từ các hoạt động tài chính?

- a. $(\text{Tổng thu nhập} - \text{Các chi phí})(1 - \text{Tỷ suất thuế}) + (\text{Khấu hao} \times \text{Tỷ suất thuế})$.
b. $(\text{Tổng thu nhập} - \text{Các chi phí} - \text{Các khoản thuế phải trả})$.
c. $(\text{Lợi nhuận ròng} + \text{Khấu hao})$.
d. $(\text{Tổng thu nhập} - \text{các phí tổn tiền mặt} - \text{Các khoản thuế phải trả})$.

